

B, ngày 28 tháng 5 năm 2024

Số: 247 /2024/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ H

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 237/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*** Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:**

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962;

Ông Trần Kinh T, sinh năm 1961;

Cùng địa chỉ: Căn hộ số 803, Tòa CT2B khu đô thị mới C, tổ dân phố H, phường C, quận B, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20/5/2024, các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình, sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Kinh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND huyện L, tỉnh H, ngày 16/5/1990. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không hòa hợp nên thường xuyên cãi vã. Hai bên đã tìm mọi cách để cải thiện quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người ở một nơi và không còn quan tâm tới nhau. Đến nay ông bà xác định tình cảm, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Kinh T xác định có hai con chung là Trần Anh T, sinh ngày 08/12/1990, Trần Thị Q, sinh ngày 14/10/1993. Các con chung đã đủ 18 tuổi và không mất năng lực hành vi dân sự nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3]. Về Tài sản chung, nhà đất, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4]. Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Kinh T là người cao tuổi và có đơn xin miễn lệ phí.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Kinh T thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Kinh T xác định có hai con chung là Trần Anh T, sinh ngày 08/12/1990, Trần Thị Q, sinh ngày 14/10/1993. Các con chung đã đủ 18 tuổi và không mất năng lực hành vi dân sự nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- **Về T sản chung, nhà đất, công nợ:** Không đề nghị Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

- **Về lệ phí:** Bà Nguyễn Thị T, ông Trần Kinh T thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp lệ phí theo quy định tại Điều 12 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND quận B ;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HS-VP.

THẨM PHÁN

Lê Thị Tuyết